SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

SICCO

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Giấy CNĐKDN số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ tư ngày16/09/2015.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số ……../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại : (+84-4) 33868243 Fax: (+84-4) 33868243

Website : www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

2. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 12 & 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - TP. Hà Nội

Điện thoại : (+84-4) 39366426 Fax: (+84-4) 39360262

Website : www.vcbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Hoàng Công Tuấn

Chức vụ : Giám Đốc

Điện thoại : (+84-4) 33868243 Fax: (+84-4) 33868243

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Giấy CNĐKDN số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2010, thay đổi lần thứ tư ngày 16/09/2015.

SICCO

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	**Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**
Loại cổ phiếu:	**Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu:	**SCI**
Mệnh giá:	**10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng một cổ phiếu)**
Tổng số lượng niêm yết:	**10.000.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết *(theo mệnh giá)*:	**100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (+84-4) 38241990 Fax: (+84-4) 38253973

Website : aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở : Tầng 12 & 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : (+84-4) 39366426 Fax: (+84-4) 39360262

Website : www.vcbs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 9
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán 10
5. Rủi ro khác 10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 11
1. Tổ chức niêm yết 11
2. Tổ chức tư vấn 11
III. CÁC KHÁI NIỆM 11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông 17
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 18
5. Hoạt động kinh doanh 19
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 32
7. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành 34
8. Chính sách đối với người lao động 35
9. Chính sách cổ tức 37
10. Tình hình hoạt động tài chính 37
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng 44
12. Tài sản 56
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 57
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 59
15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện 59
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 59
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 59
1. Loại chứng khoán 59

2. Mệnh giá 60
3. Mã chứng khoán 60
4. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết 60
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 60
6. Phương pháp tính giá 61
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 62
8. Các loại thuế có liên quan 62
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 62
1. Tổ chức tư vấn 62
2. Tổ chức kiểm toán 62
VII. PHỤ LỤC 62

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn..... 15
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của tại ngày 06/10/2015 18
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/10/2015 18
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 – 9T.2015 21
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013 - 9T.2015.....22
Bảng 6: Danh sách các nhà cung cấp chính.....23
Bảng 7: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty giai đoạn 2013 – 9T.2015.....25
Bảng 8: Danh sách máy móc thiết bị của Công ty.....26
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn 30
Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 - 9T.2015 32
Bảng 11: Số lượng người lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2015.....36
Bảng 12: Tỷ lệ chi trả cổ tức từ giai đoạn 2013 - 2015 37
Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định 38
Bảng 14: Thu nhập bình quân.....38
Bảng 15: Các khoản phải nộp giai đoạn 2013 - 9T.2015 39
Bảng 16: Số dư các quỹ của Công ty vào các thời điểm cuối năm 2013 - 9T.2015.....39
Bảng 17: Số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn giai đoạn 2013 - 9T.2015.....40
Bảng 18: Các khoản phải thu giai đoạn 2013 - 9T.2015 41
Bảng 19: Các khoản phải trả giai đoạn 2013 - 9T.2015 41
Bảng 20: Hàng tồn kho giai đoạn 2013 - 9T.2015 43
Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 2013 – 9T2015.....44
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....44
Bảng 23: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2014.....56
Bảng 24: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2015.....57
Bảng 25: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 2013 - 9T2015.....57
Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015.....57
Bảng 27: Danh sách hạn chế chuyển nhượng.....60
Bảng 28: Bảng tính giá trị sổ sách của cổ phiếu SCI 61

DANH MỤC BIỂU ĐỒ VÀ HÌNH VẼ

Hình 1: Tốc độ tăng CPI cả nước 9 tháng đầu năm 2015 8
Hình 2: Lãi suất huy động và cho vay 8
Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 16
Hình 4: Một số dự án tiêu biểu của Công ty 20
Hình 5: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013-9T.2015 21
Hình 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013 - 9T.2015 22
Hình 7: Một số máy móc của Công ty 27
Hình 8: Quá trình quản lý, điều hành xây lắp 29

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 nói riêng.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành trong nền kinh tế. Theo số liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2015 có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức 6,5%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 4 năm trước (cùng kỳ năm 2011: 6,03%; năm 2012: 5,1%; năm 2013: 5,14%; năm 2014: 5,53%), trong đó hầu hết các khu vực kinh tế đều tăng trưởng tốt như khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 2,08% (cùng kỳ năm 2014: 2,94%); khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 9,57% (cùng kỳ năm 2014: 5,75%); dịch vụ ước tăng 6,17% (cùng kỳ năm 2014: 5,94%).

Sự phát triển của ngành Xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh. Hơn thế, kinh tế khởi sắc cũng giúp cho ngành bất động sản ấm lên, tạo động lực cho các chủ đầu tư quay trở lại hoàn thiện tiếp dự án bị đình trệ và phát triển thêm những dự án mới khác.

Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 nói riêng.

❖ Tình hình lạm phát

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào cũng biến động bất thường, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, Chính phủ đã có những chính sách điều hành để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012; 6,04% năm 2013; 4,09% năm 2014. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt trong 9 tháng đầu năm 2015 khi tốc độ tăng của chỉ số giá CPI qua các tháng đều ở mức rất thấp, thậm chí còn giảm -0,21% vào tháng 9/2015. Tính trung bình 9 tháng đầu năm 2015, CPI cả nước chỉ tăng 0,75% so với cùng kỳ (Hình 1). Lạm phát và kỳ vọng lạm phát thấp sẽ giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định, giúp hỗ trợ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là doanh nghiệp sản xuất nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2011-2014 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

Hình 1: Tốc độ tăng CPI cả nước 9 tháng đầu năm 2015

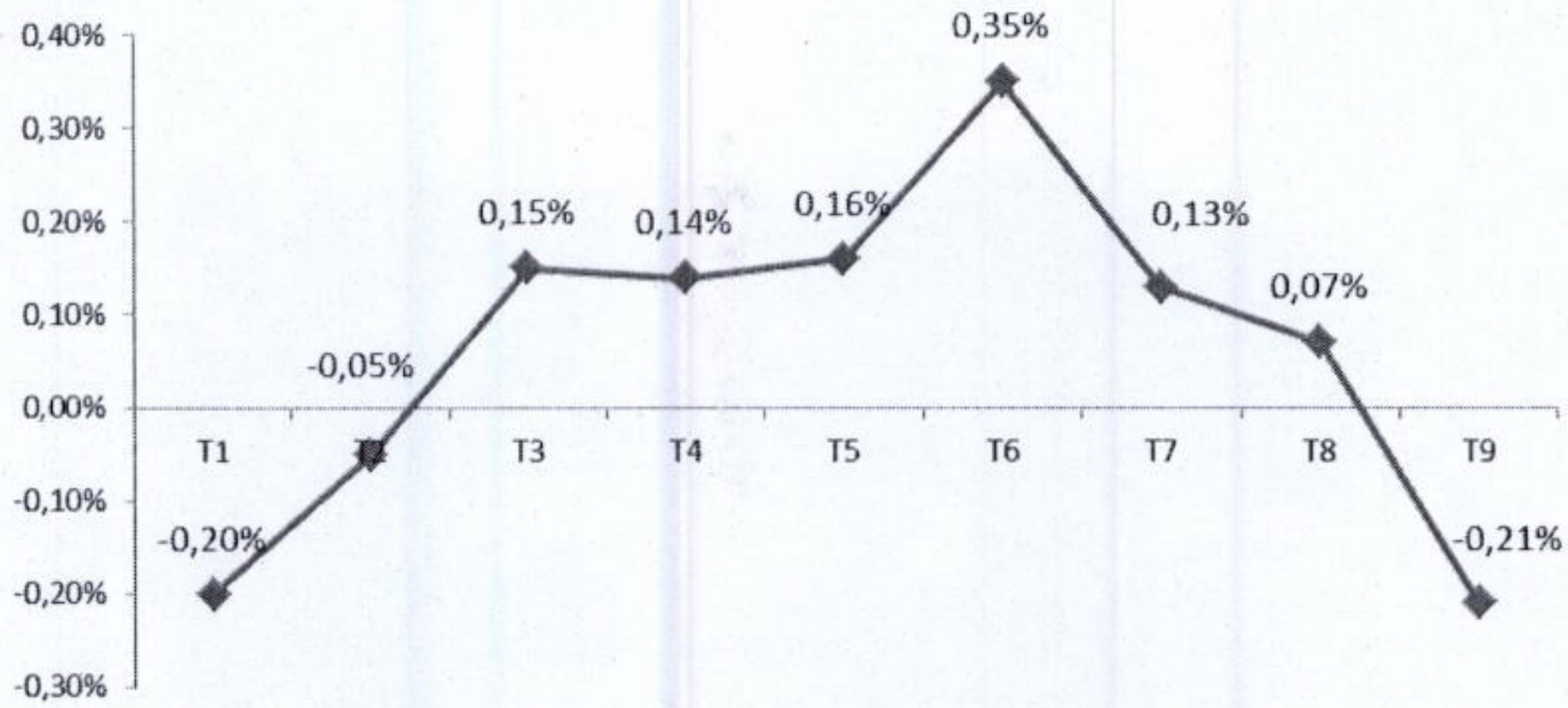

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

❖ **Lãi suất**

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, do mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Hình 2: Lãi suất huy động và cho vay

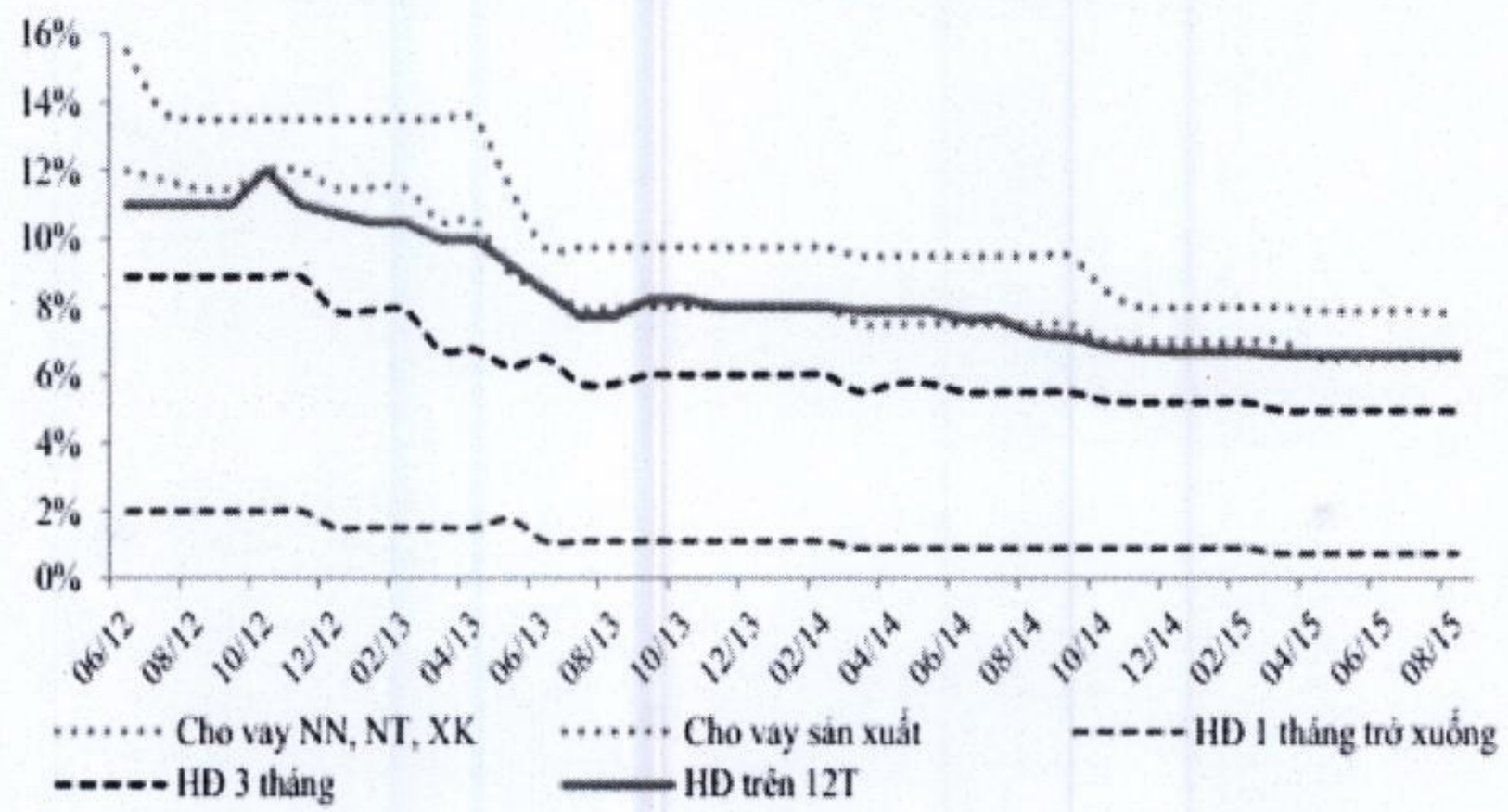

(Nguồn: CEIC, VCBS)

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi doanh nghiệp, một phần nguồn vốn được huy động từ nguồn vốn vay ngân hàng. Do đó, những biến động của lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, công ty chủ yếu là vay nợ ngắn hạn, do vậy những diễn biến ngắn hạn của lãi suất cũng tác động mạnh lên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan… Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán

Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn nhiều biến động. Việc biến động giá chứng khoán không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác như hoạt động công bố thông tin, tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng chung của thị trường, kỳ vọng của nhà đầu tư cũng như quan hệ cung cầu trên thị trường. Đây đều là những yếu tố khách quan nằm ngoài sự chủ động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện Chính phủ cùng các cơ quan liên quan đang có những chính sách phát triển thị trường chứng khoán theo hướng bền vững và trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho các doanh nghiệp. Do đó, khi thị trường chung dần đi vào hoạt động một cách ổn định và minh bạch, các công ty có hoạt động kinh doanh tốt như SICCO sẽ có thêm nhiều lợi ích khi chủ động tham gia thị trường.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

- **Ông Nguyễn Công Hùng** **Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- **Ông Hoàng Công Tuấn** **Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**
- **Ông Đào Gia Thắng** **Chức vụ: Kế toán trưởng**
- **Bà Trần Thị Len** **Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- **Ông: Vũ Quang Đông** **Chức vụ: Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 137/2014/VCBS-TVTCDN ký ngày 8 tháng 11 năm 2014 với Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, cụm từ	Ngữ nghĩa
Công ty/SICCO	*: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9*
VCBS/ Tổ chức tư vấn	*: Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam*
BCTC	*: Báo cáo tài chính*
HĐQT	*: Hội đồng quản trị*
BKS	*: Ban Kiểm soát*
CBCNV	*: Cán bộ công nhân viên*
CĐNB	*: Cổ đông nội bộ*
CN	*: Chi nhánh*
CP	*: Cổ phần*
CTCP	*: Công ty cổ phần*
Công ty TNHH	*: Công ty trách nhiệm hữu hạn*
DTT	*: Doanh thu thuần*

LN	*: Lợi nhuận*
CSH	*: Chủ sở hữu*
TTS	*: Tổng tài sản*
Điều lệ Công ty	*: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9*
CNĐKDN	*: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*
ĐHĐCĐ	*: Đại hội đồng cổ đông*
HĐKD	*: Hoạt động kinh doanh*
LNST	*: Lợi nhuận sau thuế*
NH NNo và PTNT	*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam*
NH TMCP Ngoại thương	*: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam*
NH Đầu tư và Phát triển	*: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam*
GDP	*: Tổng thu nhập quốc dân*
FDI	*: Đầu tư trực tiếp nước ngoài*
TNDN	*: Thu nhập doanh nghiệp*
GTGT	*: Giá trị gia tăng*
TSCĐ	*: Tài sản cố định*
UBCKNN	*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*
VSD	*: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam*
VĐL	*: Vốn điều lệ*
CBRE	*: Tập đoàn CBRE*

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tên tiếng Anh : SONGDA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SICCO

Logo : SICCO

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội.

Điện thoại : (+84-4) 33868243.

Fax : (+84-4) 33868243.

Website : www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

Email : info@sicco.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

Giấy CNĐKDN số : 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Công Tuấn, Giám đốc

Ngày trở thành công ty đại chúng: 17/04/2014

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống… Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 (số cũ 030400146) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010 với mức vốn điêu lệ đăng ký là 50 tỷ, vốn điều lệ thực góp đến thời điểm 24/04/2012 là 50 tỷ đồng.

Ngày 16/07/2015, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã hoàn thành đợt tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành ra công chúng theo giấy phép chào bán chứng khoán do UBCKNN cấp ngày 22/04/2015.

Ngày 16/09/2015, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức vốn điều lệ thực góp là 100 tỷ đồng.

Ngày 03/08/2015, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 36/2014/GCNCP-VSD-1 cấp lần đầu ngày 29/05/2014 và thay đổi lần thứ nhất ngày 03/08/2015 với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký thay đổi là 10.000.000 cổ phần.

Ngày 30/6/2014, cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (mã chứng khoán: SCI) chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM. Qua hơn một năm giao dịch trên thị trường UPCoM, Công ty được đánh giá là cơ bản tuân thủ tốt nghĩa vụ công bố thông tin. Kết quả sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng hàng năm về doanh thu, lợi nhuận.

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là một trong những thành viên của Công ty cổ phần Sông Đà 9, chuyên về thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, giao thông, công trình công nghiệp, dân dụng và các công trình khác. Kế thừa và phát huy truyền thống, kinh nghiệm thi công từ Công ty cổ phần Sông Đà 9, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã và đang được sự tín nhiệm cao từ các tổng thầu, chủ đầu tư lớn như Tổng công ty Sông Đà, Công ty cổ phần Sông Đà 9, các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Ban quản lý các dự án đường thủy nội địa Phía Bắc (PMU-NIW), Bộ Giao thông Vận tải.

Với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lấy xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật làm lĩnh vực hoạt động chính, Công ty chủ trương hoàn thiện bộ máy tổ chức, thành lập chi nhánh thành viên, các đội trực thuộc tham gia sâu rộng vào tiến trình xây dựng hiện đại đổi mới trên mọi miền tổ quốc

1.3. Quá trình tăng vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, mức vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 100.000.000.000 đồng sau đợt tăng vốn ngày 16/7/2015.

Bảng 1: Quá trình tăng vốn

Ngày hoàn thành	Vốn góp tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Phương thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
16/07/2015	50.000	100.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015 của SICCO về việc thông qua phương án huy động vốn để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 18/GCN-UBCK của SICCO do UBCKNN cấp ngày 22/04/2015; - Nghị quyết HĐQT số 28/NQ-SICCO-HĐQT ngày 13/7/2015 về việc thông qua kết quả phát hành thêm cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, người lao động và chào bán tiếp cổ phiếu còn dư; - Nghị quyết số 30/NQ-SICCO-HĐQT ngày 20/07/2015 của HĐQT SICCO về việc thông qua kết quả xử lý số cổ phiếu còn dư của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20/07/2015 gửi UBCKNN liên quan đến công tác phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; - Công văn số 4628/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 24/07/2015 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

(Nguồn: SICCO)

Theo Nghị quyết số 01/SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2015, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thông qua và thực tế sử dụng như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)	Số tiền chưa sử dụng (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị (ô tô, máy xúc, máy ủi,..) phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10.000.000.000	6.702.686.284	3.297.313.716
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai thi công các công trình theo các hợp đồng đã ký kết	40.000.000.000	40.000.000.000	0
Tổng cộng		**50.000.000.000**	**46.702.686.284**	**3.297.313.716**

Công ty đã sử dụng số vốn thu được từ đợt phát hành thêm đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

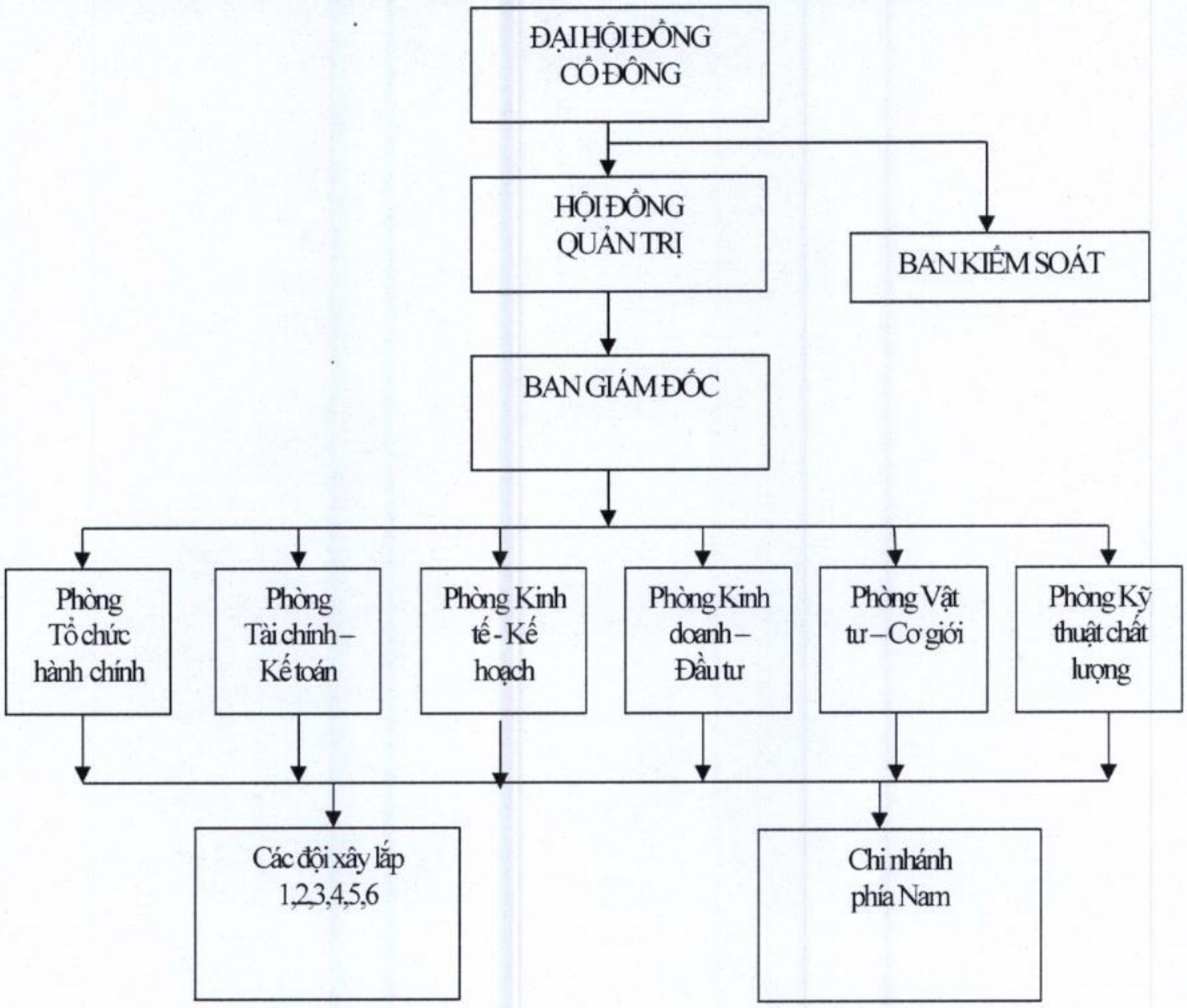

(Nguồn: SICCO)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh;

xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- Ông Nguyễn Công Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Hoàng Công Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc
- Ông Nguyễn Chính Đại - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc
- Ông Nguyễn Văn Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- Bà Trần Thị Len - Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Cao Lữ Phi Hùng - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Quản Thanh Sơn - Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- Ông Hoàng Công Tuấn - Giám đốc - người đại diện theo pháp luật
- Ông Nguyễn Chính Đại - Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hưng - Phó giám đốc
- Ông Lê Công Viên - Phó giám đốc

Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

3.1. Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 06/10/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CNĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Giá trị sở hữu (tính theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần SCI	Tầng 3, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0101405355	5.100.000	51.000.000.000	51%
2	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	Tầng 8, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	70/ UBCK-GP	781.000	7.810.000.000	7,81%
Tổng cộng:				**5.881.000**	**58.810.000.000**	**58,81%**

(Nguồn: SICCO)

3.2. Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã đi vào hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/10/2015

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100%**
	- Cá nhân	335	3.818.805	38.188.050.000	38,19%
	- Tổ chức	4	6.181.195	61.811.950.000	61,81%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0**	**0%**
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng:		**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

1.4. Công ty mẹ

Tên công ty: Công ty cổ phần SCI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101405355 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 26/06/2015.
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (+84-4)37684495 **Fax:** (+84-4)37684490
Vốn điều lệ: 370.000.000.000 đồng
Số cổ phiếunăm giữ tại SICCO: 5.100.000 cổ phiếu
Tỷ lệ nắm giữ: 51%
Ngành nghề kinh doanh chính:
Xây dựng, kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và xuất khẩu lao động.

1.5. Công ty con

Không có.

1.6. Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

1.7. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty cổ phần SCI (đã nêu ở mục 1.4).

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Lĩnh vực hoạt động chính

❖ **Sản phẩm và dịch vụ chính**

Hoạt động chính của Công ty là lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Vì vậy, khoảng 90% doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này, cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi**

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, nhiệt điện Long Phú, nhiệt điện Vũng Áng, … với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ… Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Lĩnh vực giao thông**

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Hệ thống đường thi công thuộc Công trình thủy điện Lai Châu và thủy điện Trung Sơn; … Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 7-10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Sản xuất cơ khí**

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống

áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hủa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

- **Các lĩnh vực khác**

Dịch vụ kinh doanh vật tư săm lốp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Hình 4: Một số dự án tiêu biểu của Công ty

Công trình nhiệt điện Long Phú

Công trình nhiệt điện Vũng Áng

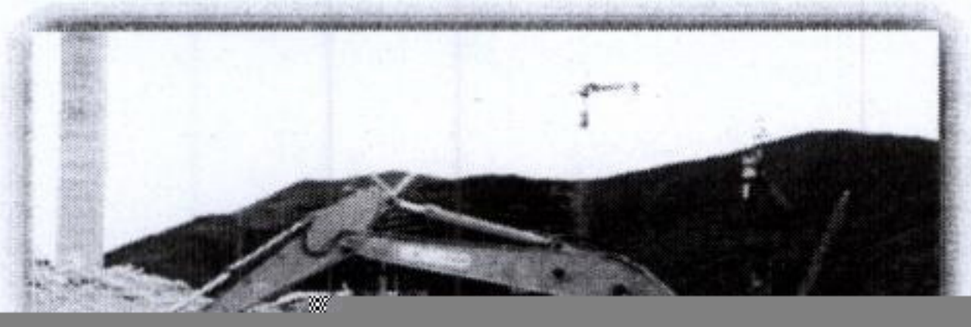

5.2. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ngoài ra, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác như: Sản xuất cọc dự ứng lực, kinh doanh săm lốp … cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

	2013		2014		9T2015	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
DTT hoạt động xây lắp	168.394.541.134	91,58	205.174.781.179	93,70	212.066.809.874	97,45
DTT bán hàng hóa	14.561.381.543	7,92	12.403.639.678	5,66	4.435.251.465	2,04
DTT cung cấp dịch vụ	915.140.148	0,50	1.388.403.579	0,63	1.108.159.714	0,51
Tổng cộng	**183.871.062.825**	100,00	**218.966.824.436**	100,00	**217.610.221.053**	100,00

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Hình 5: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013-9T.2015

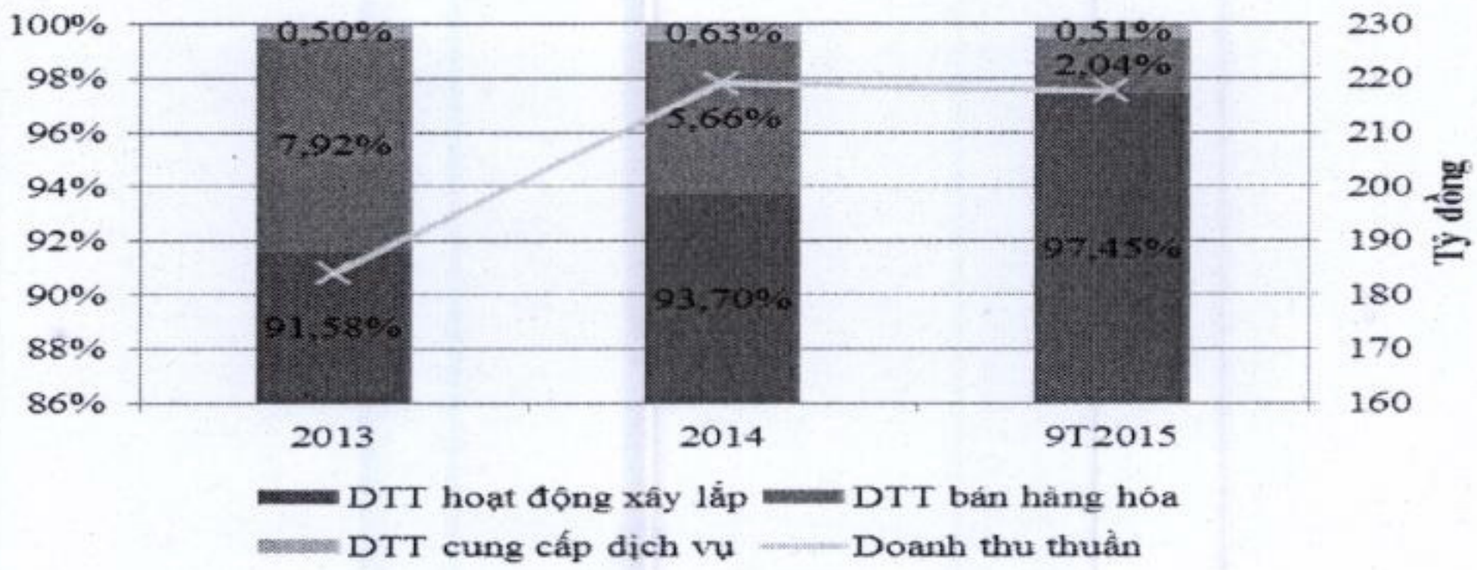

Doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2013 – 9T2015. Doanh thu thuần năm 2014 đạt 218,97 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2013. Đặc biệt trong 9 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần của công ty đạt 217,6 tỷ đồng, bằng 99,38% doanh thu thuần cả năm 2014. Có sự tăng trưởng tốt đó là do Công ty đã nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư thêm nhiều máy móc thiết bị, tích cực tìm kiếm ký thêm nhiều hợp đồng và đặc biệt là nỗ lực xây dựng hoàn thành các công trình đúng thời hạn, đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán.

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, doanh thu thuần của hoạt động xây lắp chiếm chủ yếu (trên 90% Doanh thu thuần của Công ty), còn lại là doanh thu thuần bán hàng hóa và cung

cấp dịch vụ. Trong giai đoạn 2013 đến T9.2015 tỷ trong doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp tăng lên trong tổng doanh thu thuần từ mức 91,58% lên mức 97,45% cho thấy Công ty đã tập trung vào khai thác vào hoạt động thế mạnh chính của mình và giảm tỷ trọng các hoạt động khác.

Doanh thu năm 2014, 2015 đến từ một số trình như: Gói thầu CV-A1m-NDTDP: Hàng lang 1 – Lè bảo vệ bờ Nhật Tân từ Nt2 (0÷800) đến NT3 (1÷600); Gói thầu CV-A2.2b-NDTDP: Công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; Gói thầu số 09: Thi công mở rộng Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên; Công trình Núi Pháo Thái Nguyên; Công trình San lấp sân phân phối – Nhiệt điện Long Phú; Công trình thủy điện Bắc Mê – Hà Giang,...

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính:đồng.

	2013		2014		9T2015	
	Giá trị	Tỷ trọn/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
LN gộp hoạt động xây lắp	23.562.878.924	12,81	32.379.491.738	14,79	34.912.739.747	16,04
LN gộp bán hàng hóa	1.546.859.613	0,84	1.096.040.394	0,50	330.634.270	0,15
LN gộp cung cấp dịch vụ	-54.087.139	-0,03	192.195.619	0,09	129.041.405	0,06
Tổng cộng	**25.055.651.398**	**13,63**	**33.667.727.751**	**15,39**	**35.372.415.422**	**16,25**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Hình 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013 - 9T.2015

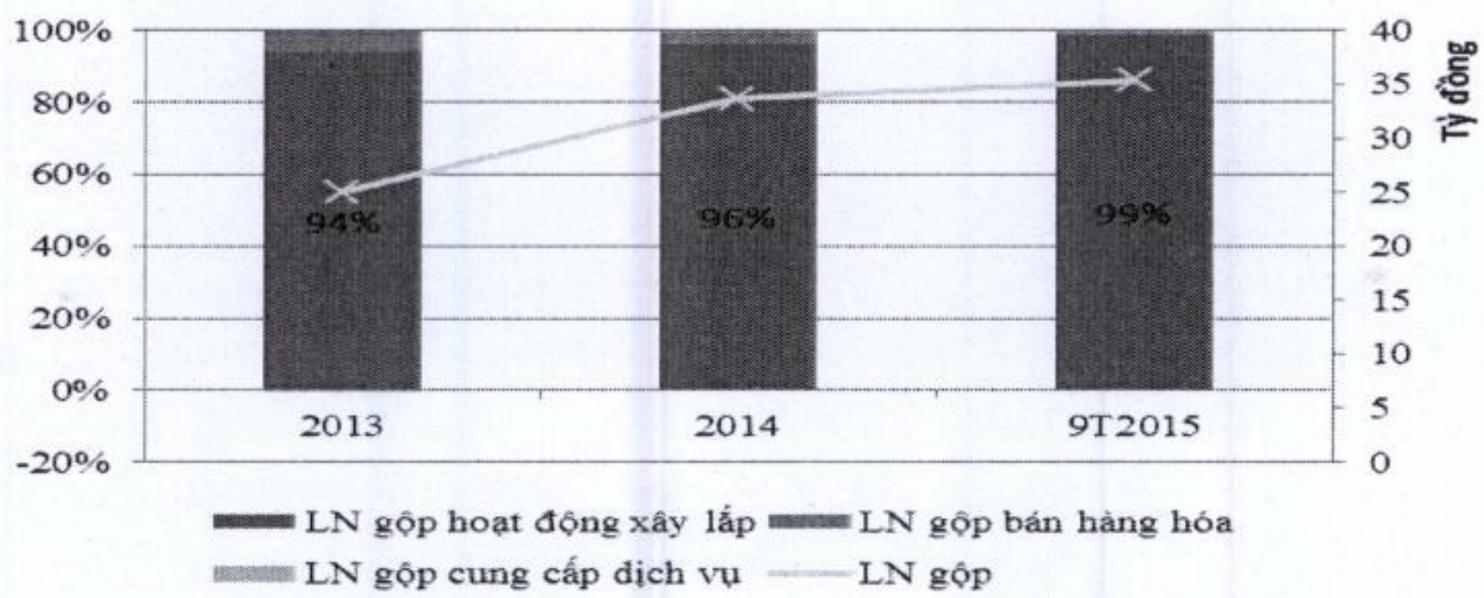

Lợi nhuận gộp của công ty tăng trưởng khả quan trong giai đoạn 2013 – 9T2015. Lợi nhuận gộp năm 2014 đạt 33,67 tỷ đồng, tăng 34,4% so với năm 2013. Đặc biệt lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2015 là 35,37 tỷ đồng đã vượt kết quả lợi nhuận gộp cả năm 2014. Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần cũng tăng trưởng hàng năm. Kết quả này đạt được là do Công ty có chiến lược kinh doanh đúng đắn, tập trung vào ngành nghề sản xuất chính có biên lợi nhuận cao và có lợi thế là hoạt động xây lắp các công trình (thủy điện, nhiệt điện, giao thông, công trình công nghiệp) giảm mảng sản xuất kinh doanh kém lợi thế, biên lợi nhuận thấp là hoạt động thương

mại bán hàng hóa. Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2013 -9T2015, chiếm chủ yếu là lợi nhuận gộp của hoạt động xây lắp với tỷ trọng trên 94% và đang có xu hướng tăng lên. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả nên có sự gia tăng lợi nhuận gộp.

5.3. Nguyên vật liệu

- **Nguyên vật liệu của công ty bao gồm các loại:**

- Vật tư phụ tùng xe ôtô, máy xúc, máy đầm, máy ủi…
- Vật liệu xây dựng: sắt thép các loại, xi măng, cát, đá…
- Nhiên liệu: dầu Do, xăng, dầu máy, dầu cầu….
- Vật liệu điện: đèn, dây điện…
- Vật liệu gia công cơ khí: dây hàn, que hàn…
- Bảo hộ lao động và phòng cháy chữa cháy: quần áo bảo hộ lao động, găng tay, ủng, mũ bảo hộ, bình cứu hỏa…

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí nên nguyên vật liệu chính của Công ty là vật liệu xây dựng và nhiên liệu (chủ yếu là xăng dầu). Vật liệu xây dựng để phục vụ thi công các công trình, còn xăng dầu được cung ứng cho xe và máy móc hoạt động. Sự biến động của giá vật liệu xây dựng và xăng dầu trong thời gian qua đã ảnh hưởng lớn tới chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và gây khó khăn trong hoạch định chi phí.

- **Danh sách các nhà cung cấp chính:**

Bảng 6: Danh sách các nhà cung cấp chính

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp	Địa chỉ
1	Công ty TNHH thiết bị và phụ tùng công nghiệp DONARCO	Vật tư, phụ tùng xe máy các loại	Số 28, lô 4, Khu đô thị Đền Lừ 2, Hòang Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội
2	Công ty cổ phần BIFI	Phụ gia	814/3 Đường Láng – Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội
3	Doanh nghiệp tư nhân 7 Luông	Cát	601 ấp Ngãi Hội 1, huyện Long Phú, Sóc Trăng
4	Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hà Thành	Vật tư, phụ tùng xe máy các loại	Số 4 Đồng Nhân - Đồng Nhân - Hai Bà Trưng – Hà Nội
5	Công ty cổ phần kinh doanh thép hình	Sắt thép các loại	Số 96 – Phố Bồ Đề - Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội
6	Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	Săm lốp yếm các loại	01 Lê Văn Hiến – Khuê Mỹ- Ngũ Hành Sơn- TP. Đà Nẵng
7	Chi nhánh Công ty TNHH Kobelco Việt Nam tại Bắc Ninh	Vật tư, phụ tùng máy xúc, máy đào	Số 2 đường TS12 – Khu công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh
8	Doanh nghiệp tư nhân Cường Khuông	Săm lốp yếm các loại	Tổ 12 - Quan Triều - TP Thái Nguyên

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp	Địa chỉ
9	Công ty cổ phần thiết bị Alpha	Vật tư, phụ tùng xe máy các loại	Sè 114 Giảng Võ - Cát Linh – Đống Đa – Hà Nội
10	Công ty cổ phần xi măng Hạ Long	Xi măng	Xã Thống Nhất - Hoành Bồ - Quảng Ninh
11	Công ty TNHH Bảo hộ Việt	Thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy	Căn hộ 55 - Nhà 55 – Tập thể Nguyễn Trãi - Khương Trung - Thanh Xuân – Hà Nội
12	Công ty cổ phần thương mại TS Vạn Phúc	Dầu mỡ máy các loại	Số 10 Khu tập thể gia cầm - Vạn Phúc - Hà Đông - Hà Nội
13	Công ty cổ phần vật tư - thiết bị CT Minh Đức	Cáp dự ứng lực	C10 - BT5 – Khu đô thị mới Việt Hưng -Giang Biên – Long Biên - Hà Nội
14	Công ty cổ phần TSA Hồng Phúc	Vật tư phụ tùng ô tô	Số 754 Ba La - Phú La - Hà Đông - Hà Nội
15	Công ty cổ phần sản xuất lưới thép, rọ đá Việt Nam	Thảm đá	Thôn Vệ Sơn Đông - Tân Minh - Sóc Sơn – Hà Nội
16	Công ty TNHH Lực Nhung	Thảm đá	Thị trấn Nam Giang – huyện Nam Trực - Nam Định
17	Chi nhánh xăng dầu Phú Yên	Xăng dầu	138C Lê Lợi, TP. Tuy Hòa, PhúYên
18	Công ty TNHH Thành Lộc	Ván khuôn	Thị trấn Nam Giang – huyện Nam Trực - Nam Định
19	Công ty cổ phần thiết bị giao thông vận tải Vietraco	Vật tư, phụ tùng xe máy các loại	P201B – Tòa nhà Licogi13 – Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân – Hà Nội
20	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Xăng dầu	Số 143 Trần Nhân Tông, Năng Tĩnh, TP. Nam Định
21	Công ty TNHH thương mại Phú Thái	Sắt thép, xi măng các loại	60 Lê Thành Phương - Xuân Yên – thị xã Sông Cầu - Phú Yên
22	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Tây	Xi măng các loại	Số 30, ngõ 79, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
23	Công ty TNHH Thành Công Danh	Ống cống các loại	31 Chi Lăng, P9, TP Tuy Hòa, Phú Yên
24	Công ty cổ phần vải địa kỹ thuật Việt Nam	Vải địa	Lô 8, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Duy Tiên, Hà Nam
25	Công ty cổ phần SILKROAD Hà Nội	Chất phụ gia	Lô XN 46-4, khu công nghiệp Đại An, Hải Dương
26	Công ty cổ phần vận tải giao nhận hàng hóa Nam Thái	Cát đá các loại	Km 2- Đường Long Hưng - Hoàng Diệu – TP. Thái Bình
27	Công ty TNHH Thương mại vận tải ô tô Thái Hồng	Vật tư, phụ tùng xe máy các loại	180A Nguyễn Tất Thành - P8 – TP. Tuy Hòa- Phú Yên
28	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thịnh Hà	Xăng dầu	Phố Tăng – Phú Châu – Đông Hưng – Thái Bình
29	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương	Cát	38 Võ Trứ - thị trấn Chí Thạnh - Tuy An – Phú Yên
30	Công ty TNHH xây dựng Hòa Mỹ	Đá các loại	Km 1266 - QL1A - Xuân Cảnh - Sông Cầu -Phú Yên
31	Công ty TNHH Hưng Thành	Cáp thép và vật tư các loại	Xuân Ninh – Xuân Trường – Nam Định
32	Doanh nghiệp tư nhân Đức Thịnh	Dầu mỡ máy các loại	Sè 401, tổ 4, phường Tân Lập, TP.Thái Nguyên

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp	Địa chỉ
33	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu STEEL Tuấn Phát	Thép các loại	40/8 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
34	Chi nhánh xăng dầu Sóc Trăng	Xăng dầu	141 Quốc lộ 1A, Phường 7, TP. Sóc Trăng

(Nguồn: SICCO)

- **Sự ổn định của nguồn cung cấp:** Công ty không phải phụ thuộc vào một nhà cung cấp nào vì với một loại nguyên liệu đều có từ hai nhà cung cấp trở lên nên việc cung cấp nguyên liệu của công ty rất ổn định.

5.4. Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Do đó chi phí chủ yếu của Công ty là các chi phí: Chi phí vật liệu và chi phí nhân công.

Bảng 7: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		9T2015	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	158.815.411.427	86,37%	185.299.096.685	84,61%	182.237.805.631	83,75%
Chi phí tài chính	6.202.927.425	3,37%	6.573.899.039	3,00%	7.700.286.999	3,54%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.872.007.553	5,37%	13.265.804.265	6,06%	10.833.458.396	4,98%
Chi phí bán hàng	93.867.348	0,05%	174.045.456	0,08%	36.000.000	0,02%
Tổng cộng	**174.984.213.753**	**95,17%**	**205.312.845.445**	**93,75%**	**200.807.551.026**	**92,28%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Với quy mô doanh thu tăng trưởng qua các năm, tổng chi phí sản xuất của Công ty cũng tăng từ 174,98 tỷ đồng năm 2013 lên 205,31 tỷ đồng năm 2014. Trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Bên cạnh đó với đặc thù là doanh nghiệp xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí nên chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty cũng chiếm tỷ trọng khá trong tổng chi phí của Công ty (năm 2013 là 5,37% và năm 2014 là 6,06%). Hiện nay Công ty đang chú trọng nâng cao hoạt động hiệu quả để tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, nâng biên lợi nhuận của Công ty.

Trong giai đoạn 2013 – 9T2015, nhờ vào các biện pháp kiểm soát chi phí hiệu quả nên tỷ trọng tổng chi phí/DTT của Công ty đang có xu hướng giảm từ 95,17% năm 2013 xuống 93,75% trong năm 2014 và 92,28% trong 9T2015. Điều đó giúp cho biên lợi nhuận (tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần) của Công ty tăng lên như đã phân tích ở trên)

5.5. Trình độ công nghệ

Do nhu cầu phát triển của Công ty và mở rộng thị trường, giai đoạn 2013 – 2015 Công ty đã đầu tư thêm nhiều thiết bị thi công xây lắp dây chuyền đào đắp và vận chuyển cụ thể như sau:

Bảng 8: Danh sách máy móc thiết bị của Công ty

TT	Tên máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích/công suất
I	**Ô tô tự đổ**					
1	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	16	Hàn Quốc	2010	11,6 tấn
3	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2014	24 tấn
4	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2012	24 tấn
5	Xe Cửu Long	8535D2-T65	01	Việt Nam	2013	3,45 tấn
6	Xe Cửu Long	8535D2-T65	02	Việt Nam	2014	3,45 tấn
7	Xe Cửu Long	8535D2-T65	01	Việt Nam	2015	3,5 tấn
II	**Máy đào**					
1	Máy đào bánh xích Kobel Co	SK 250 – 8	02	Nhật Bản	2010	1,2 m3
2	Máy đào bánh xích Kobel Co	SK 330 – 8	02	Nhật Bản	2010	1,6 m3
3	Máy đào bánh xích Kobel Co	SK 330 – 8	02	Nhật Bản	2014	1,6 m3
4	Máy xúc lật	ZL 30E	01	Trung Quốc	2012	1,7 m3
5	Máy xúc lốp	DOOSAN	01	Hàn Quốc	2013	0,8 m3
6	Máy đào bánh xích Komatsu	PC 210 - 6E	01	Nhật Bản	1999	0,8 m3
7	Máy đào bánh lốp kobelco	SK100W	01	Nhật Bản	1995	0,7m3
8	Máy đào bánh xích KOMATSU	PC200LC-7L	01	Nhật Bản	1999	0,8m3
III	**Máy lu**					
1	Máy lu rung	XCMGXS142J	03	Trung Quốc	2011	14 tấn
2	Máy lu rung	SAKAISV62D	01	Indonesia	2014	12 tấn
3	Máy lu tĩnh bánh thép Furukawa	FR12	01	NhậtBản	1980	14 tấn
4	Máy lu rung bán lốp	Sakai T2	01	Indonesia	1999	8,5 tấn
5	Máy lu rung bánh thép Bomag	BW162A	01	Đức	1978	13 tấn
IV	**Máy ủi**					
1	Máy ủi XCMG	DT 140B	01	Trung Quốc	2011	114KW
2	Máy ủi shantui	SD16L	03	Trung Quốc	2011	131KW
V	**Cần cẩu**					
1	Cần cẩu bánh xích	LS118 – RHII	01	Nhật Bản	1985	50 tấn
2	Cần cẩu tự hành	KC 3577	01	Nga	2001	15 tấn
VI	**Máy rải**					
1	Máy rải betong nhựa Demang	DF 135C	01	Đức	2003	175HP
VII	**Máy san**					
1	Máy san Mitsubishi	MG 150	01	Nhật Bản	1980	94HP
VIII	**Máy ép cọc**					
1	Máy ép cọc cơ sở NIPPON	DH508-105M	01	Nhật Bản	1986	114KW
IX	**Trạm trộn**					
1	Trạm trộn betong	BM60SK	01	Italia	2015	60m3/h

X	**Xe đầu kéo**					
1	Ô tô đầu kéo HOWO	ZZ4257N3247N1B	01	Trung Quốc	2015	24 tấn
2	Sơmirơ-móoc	KCT	01	Việt Nam	2014	28 tấn

(Nguồn: SICCO)

Sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại xe Hyundai HD270 sở hữu chất lượng toàn cầu và những tính năng nổi bật. Yêu cầu về khả năng vận hành mạnh mẽ trên mọi địa hình của dòng xe ben nặng được đáp ứng bởi động cơ diesel 340Ps và 380Ps có hệ thống tăng áp làm mát khí nạp. Với hệ thống phanh tang trống hai dòng kết hợp phanh đỗ dẫn động bằng khí nén, hệ thống treo bằng nhíp lá kết hợp thanh cân bằng và hệ thống giảm xóc cabin, Hyundai HD270 bảo đảm độ an toàn và vận hành êm trên những địa hình phức tạp nhất

Hình 7: Một số máy móc của Công ty

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi, Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu. Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình. Công ty đã được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế NQA cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.

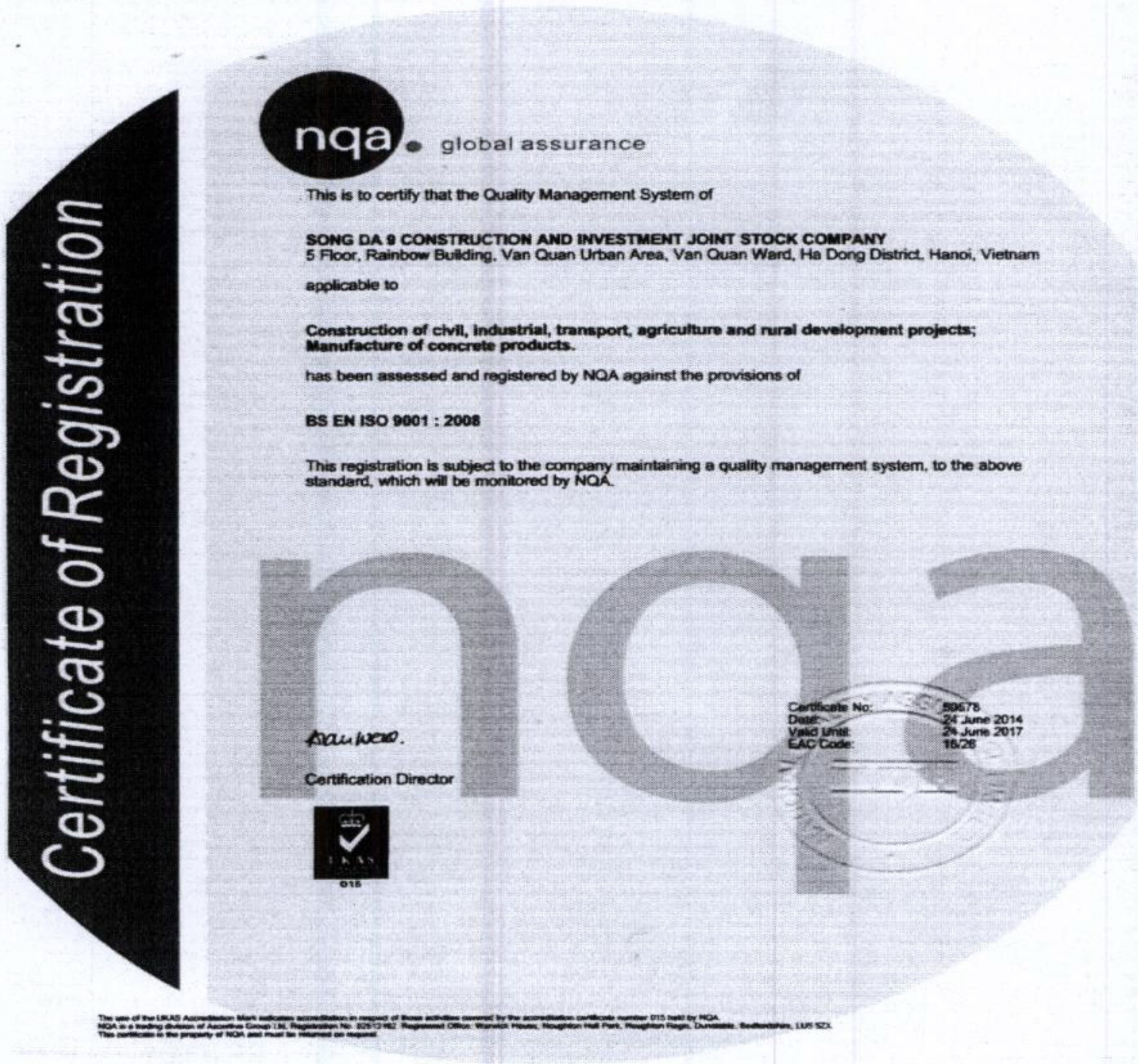

Certificate of Registration

nqa. global assurance

This is to certify that the Quality Management System of

SONG DA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
5 Floor, Rainbow Building, Van Quan Urban Area, Van Quan Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

applicable to

Construction of civil, industrial, transport, agriculture and rural development projects; Manufacture of concrete products.

has been assessed and registered by NQA against the provisions of

BS EN ISO 9001 : 2008

This registration is subject to the company maintaining a quality management system, to the above standard, which will be monitored by NQA.

Certification Director

Certificate No: 59678
Date: 24 June 2014
Valid Until: 24 June 2017
EAC Code: 18/28

UKAS 015

The use of the UKAS Accreditation Mark indicates accreditation in respect of those activities covered by the accreditation certificate number 015 held by NQA.
NQA is a trading division of Ascertiva Group Ltd. Registration No. 02512162. Registered Office: Warwick House, Houghton Hall Park, Houghton Regis, Dunstable, Bedfordshire, LU5 5ZX.
This certificate is the property of NQA and must be returned on request.

Hình 8: Quá trình quản lý, điều hành xây lắp

LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÂY LẮP

Stt	Trách nhiệm	Hoạt động chính	Tham chiếu
1	Ban lãnh đạo Công ty	Tiếp nhận thông tin Yêu cầu Chủ đầu tư, hồ sơ thầu	Quy trình đấu thầu
2	Ban lãnh đạo	Xử lý — Dừng →	Quy trình đấu thầu
3	Các phòng chức năng	Làm Hồ sơ thầu/chỉ định thầu	
4	Ban lãnh đạo Công ty	Kiểm tra, — Dừng →	Quy trình đấu thầu
5	Khách hàng, Tổ đàm phán hợp đồng	Thiết lập, thương thảo Hợp đồng	
6	Khách hàng, Giám đốc (người được uỷ quyền)	Ký Hợp đồng	Quy trình ký và quản lý hợp đồng
7	Đội thi công Các phòng Công ty	Thành lập Ban chỉ huy công trình; Giao nhiệm vụ cho Đội; Lập Kế hoạch thi công	Quy trình chuẩn bị thi công Quy trình đánh giá lựa chọn nhaf cung cấp
8	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Công ty và thầu phụ	Triển khai Dự án; Người thu, bàn giao từng phần; Thanh toán	Quy trình quản lý thiết bị thi công, thiết bị đo
9	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Công ty và thầu phụ	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	Quy trình triển khai thi công công trình
10	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Công ty và thầu phụ	Quyết toán; Bảo hành	Quy trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành công trình
11	Khách hàng Các phòng Công ty	Tổng kết Dự án Lưu trữ Hồ sơ	Quy trình kiểm soát hồ sơ

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người, Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đấu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

5.7. Hoạt động Marketing

Nhận thức được vai trò của công tác thị trường, Công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing, dựa vào thị trường để đưa ra quyết định đầu tư, nhằm chiếm lĩnh thị phần tiêu thụ sản phẩm khi dự án đi vào hoạt động. Đặc biệt, Công ty hướng tới khách hàng là Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiếp thị đấu thầu, đồng thời yêu cầu cán bộ làm công tác marketing luôn phải cập nhật các thông tin mới. Bên cạnh đó, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện cho cán bộ tiếp thị đấu thầu, bộ phận làm hồ sơ thầu, bộ phận nghiên cứu thị trường và lập dự án đầu tư phát triển cho Công ty.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

Biểu tượng lô gô của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn

STT	Tên Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Thi công một phần hạng mục Công trình Dự án khai thác và	100	10/2013 đến 12/2015	Thi công	Công ty cổ phần Licogi 13

STT	Tên Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
	chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên				
2	Gói thầu số 9 – Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 -:- Km 1293+800 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 – Phú Yên	61,3	12/2013 đến 12/2015	Thi công	Công ty CP Sông Đà 9
3	Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định	225	8/2014 đến 12/2015	Thi công	Công ty cổ phần Sông Đà 9
4	Thi công Nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan - Lào	107	9/2014 đến 2/2015	Thi công	Công ty cổ phần Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68
5	Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV, 220KV Trung tâm điện lực Long Phú	34,5	9/2014 đến 2/2015	Thi công xây dựng	Ban quản lý dự án Điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu
6	Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê	67,3	12/2014 đến 10/2016	Thi công	Công ty cổ phần Sông Đà 5
7	Xây dựng tuyến đường Thà Lầu – Sầm Tày, Tỉnh Huaphan, Lào	21,4	3/2015 đến 7/2015	Thi công	Công ty TNHH Xây dựng Chitchareune
8	Xây lắp, khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công đoạn Km 38+00 đến đầu cầu Km41+88,09 (khôn bao gồm các cầu Km 38+548.89; m39+983,507; Km 40+768,33) thuộc dự án xây dựng Đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan	65,8	3/2015 đến 12/2016	Thi công	Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 8
9	Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính,công trìnhtạm – Công trình thủy điện Bảo Lâm 3	23,7	6/2015 đến 10/2016	Thi công	Công ty CP Sông Đà 5
10	Bến nhập thiết bị - Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	9,7	6/2015 đến 2/2016	Thi công	Ban dự án Nhiệt điện Long Phú
11	Cung cấp và thi công đóng cọc đại trà nhà máy – Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	225,4	9/2015-12/2016	Sản xuất và Thi	Ban dự án Nhiệt điện Long Phú

STT	Tên Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
				công	
12	Bãi thải xỉ Nhiệt điện Long Phú	150	Tháng 1/2016	Thi Công	Ban Quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú I
13	DA Thủy điện Sơn Tây	145	Tháng 2/2016	Thi Công	Công ty TNHH Năng lượng SOVICO Quảng Ngãi
14	Thi công tuyến đường Na Xang - Thong Thu (Lào)	50	Tháng 3/2016	Thi Công	Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune
15	Dự án Nhiệt điện sông Hậu	200	Tháng 5/2016	Thi Công	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện sông Hậu
16	DA kênh đào nhân tạo nối sông Đáy với sông Ninh Cơ	100	Tháng 8/2016	Thi Công	Ban quản lý các dự án đường thủy
Tổng số		**1.586,**			

(Nguồn: *SICCO)*

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014, 9T.2015

Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/ giảm so với năm 2013	9T.2015
Tổng giá trị tài sản	198.304.884.301	274.380.682.356	38,36%	343.278.933.432
Vốn chủ sở hữu	59.371.096.704	66.701.633.971	12,35%	124.366.791.029
Doanh thu thuần	183.871.062.825	218.966.824.436	19,09%	217.610.221.053
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	9.021.445.937	13.705.930.214	51,93%	17.523.262.565
Lợi nhuận khác	106.211.221	(2.534.613.187)	-	27.748.910
Lợi nhuận trước thuế	9.127.657.158	11.171.317.027	22,39%	17.551.011.475
Lợi nhuận sau thuế	6.715.245.345	8.142.876.894	21,26%	13.683.387.210
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	61,4%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	11,40%	12,92%	-	18,37%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Tổng tài sản của Công ty có sự tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2013 - 2014, năm 2014 tăng 38,36% so với cuối năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do (1) sự gia tăng trong các khoản phải thu của khách hàng do các hợp đồng đã thực hiện xong nhưng chưa thực hiện quyết toán xong 2) Sự gia tăng của hàng tồn kho do tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vì số lượng các công trình thực hiện tăng lên (trong năm 2014 thực hiện thêm công trình cải tạo sông Ninh cơ giá trị dở dang là 13,99 tỷ đồng, dự án sân phân phối Long Phú giá trị dở dang 15,23 tỷ đồng,...) và các công trình đang trong quá trình nghiệm thu; (3) Sự tăng lên của tài sản cố định hữu hình do đầu tư mua mới thêm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. 9 tháng đầu năm 2015, tổng tài sản đã tăng 25,11% do tăng nguyên vật liệu cho công tác thi công xây dựng và tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xây văn phòng, xưởng đúc cọc và mua sắm tài sản cố định).

Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng trong giai đoạn 2013-2014. 9 tháng đầu năm 2015, Công ty đã hoàn thành xong việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng, nguồn vốn tăng thêm nhằm mục đích đầu tư thêm máy móc thiết bị cho hoạt động thi công xây dựng và bổ sung vốn lưu động để thực hiện các hợp đồng đã ký kết.

Xét về hoạt động kinh doanh, trong giai đoạn 2013 – 2014 Công ty có sự tăng trưởng tốt về cả doanh thu thuần và lợi nhuận, cụ thể mức tăng trưởng về doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 19,09% và 21,26%. 9 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt được là 217,61 tỷ đồng (bằng 99,38% doanh thu thuần của năm 2014), lợi nhuận sau thuế là 13,68 tỷ đồng (bằng 168,06% lợi nhuận sau thuế năm 2014).

Đạt được kết quả kinh doanh như trên là do kế hoạch kinh doanh triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và công tác nghiệm thu thanh toán luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu. Một số các công trình thi công hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư trong năm 2014 như: Gói thầu CV-A1m-NDTDP: Hàng lang 1 – Lè bảo vệ bờ Nhật Tân từ Nt2 (0÷800) đến NT3 (1÷600); Gói thầu CV-A2.2b-NDTDP: Công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; Gói thầu số 09: Thi công mở rộng Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên; Công trình Núi Pháo Thái Nguyên; Công trình San lấp sân phân phối – Nhiệt điện Long Phú; Công trình thủy điện Bắc Mê – Hà Giang. Ngoài ra, Công ty đã ký kết thêm được một số hợp đồng thi công cho năm 2015 như: Thi công Nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào trị giá 107 tỷ đồng; Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê trị giá 67,3 tỷ đồng;...

Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện quản lý chi phí hiệu quả, tổng chi phí sản xuất/doanh thu thuần có xu hướng giảm qua các năm dẫn đến gia tăng lợi nhuận cho công ty.

6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi**

- Hệ thống khách hàng của Công ty tương đối ổn định;
- Đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và chủ đầu tư;
- Là doanh nghiệp có chất lượng sản phẩm tốt và tiến độ bàn giao công việc đúng hạn.

❖ **Khó khăn**

- Giá cả các loại nhiên liệu biến động, dẫn đến khó khăn trong hoạch định chi phí của Công ty;
- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong giai đoạn suy thoái, thị trường bất động sản và xây dựng chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt;

Chi phí khấu hao của Công ty lớn do các máy móc thiết bị được đầu tư mới nhiều.

7. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tiền thân là Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Giai đoạn đầu mới thành lập, sản lượng, doanh thu của Công ty chủ yếu từ việc gia công, chế tạo các cấu kiện cơ khí cho các Công ty, xí nghiệp trong nội bộ Công ty cổ phần Sông Đà 9. Sự kiện Công ty được cổ phần hóa và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào tháng 6/2010 là một mốc quan trọng trong sự phát triển của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã mạnh dạn mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, thủy lợi, nhiệt điện, từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ và đầu tư. Với sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của Ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng của tập thể nhân viên, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã có sự phát triển mạnh mẽ, từng bước khẳng định được vị thế của mình trong cộng đồng các doanh nghiệp xây dựng và định hình được thương hiệu SICCO đối với các chủ đầu tư.

Các dự án do Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thi công luôn được đánh giá cao về chất lượng. tiến độ và tác phong chuyên nghiệp trong công việc như: Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A - đoạn Phú Yên; Dự án nhà máy thủy điện Lai Châu, Dự án nhà máy thủy điện Trung Sơn; Dự án nhiệt điện Vũng Áng. Dự án thủy điện Hủa Na, Nhà máy nhiệt điện Long Phú; Dự án khai thác mỏ Núi Pháo.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong 9 tháng đầu năm 2015, tổng sản phẩm trong nước GDP ước tính tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó mức tăng của khu vực xây dựng là 9%, mức cao tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng của khu vực công nghiệp và dịch vụ 9 tháng các năm 2013, 2014 và 2015 lần lượt đạt 6,43%; 5,94% và 6,17%. Từ đó thấy rằng ngành xây dựng của Việt Nam đang dần hồi phục trở lại.

Thị trường xây dựng dân dụng đang chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường nhà ở và bất động sản. Trong vài năm trở lại đây đã có nhiều quy định và chính sách được ban hành có lợi cho thị trường bất động sản điển hình như Luật nhà ở sửa đổi cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, Thông tư 32 thúc đẩy việc giải ngân gói 30.000 tỷ đồng, chính sách giảm lãi suất kích thích nhu cầu mua nhà ở của người dân...Kết quả của những nỗ lực đó là thanh khoản thị trường nhà ở được cải thiện đáng kể trong năm 2014. Theo báo cáo của CBRE, năm 2014 thị trường Hà Nội có khoảng 10.000 giao dịch thành công, tăng +60% so với cùng kỳ và tại Hồ Chí Minh có hơn 18.000 giao dịch thành công (+260% so với cùng kỳ). Thị trường bất động sản 9 tháng đầu năm 2015 cả nước có khoảng 30.000 lượt giao dịch được thực hiện, con số này bằng giao dịch cả năm 2014.

Thị trường xây dựng công nghiệp sẽ biến động theo sức khỏe của nền kinh tế và lượng vốn FDI vào Việt Nam. Việc trong năm nay Việt Nam đàm phán thành công các hiệp định thương mại tự do FTA EU-VN, TPP, cùng việc một số các doanh nghiệp lớn như Nike, Intel,… đã đầu tư nhà máy tại Việt Nam do môi trường kinh doanh bất ổn là những động lực cho việc thu hút nguồn vốn FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

Thị trường xây dựng cơ sở hạ tầng là một trong những trọng tâm phát triển ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế thuộc Ngân hàng Nhà nước, trong quy hoạch phát triển giao thông đường bộ đến năm 2020, ước tính nhu cầu vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến năm 2020 bình quân khoảng 202 nghìn tỷ/năm. trong đó một số dự án giao thông quan trọng. cấp bách như quốc lộ 1 cần bình quân 22 nghìn tỷ đồng/năm; đường Hồ Chí Minh cần bình quân 27 nghìn tỷ đồng/năm... Ngoài các dự án giao thông cao tốc, còn có các dự án xây sân bay quốc tế Long Thành, đường sắt Biên Hòa Vũng Tàu, các dự án hạ tầng điện, dầu khí, cảng.…

Nhìn chung, ngành xây dựng đang khởi sắc trở lại, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đang được tập trung triển khai mạnh.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hiện tại Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đang triển khai thi công một số công trình, hạng mục công trình thuộc lĩnh vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Công trình xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 tỉnh Phú Yên, Kè và bảo vệ luồng Cửa sông Ninh Cơ, Kè bảo vệ Nhật Tân - Sông Hồng, Bãi thải xỉ - Nhiệt điện Long Phú… Trong thời gian tới, Công ty sẽ tham gia nhiều hơn nữa trong các dự án phát triển giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

Theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 giai đoạn 2011-2015 đã và đang được thực hiện. Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 lấy thi công xây lắp, cơ giới các công trình thủy lợi, thủy điện làm cơ sở, nền tảng để phát triển, mở rộng ra xây lắp các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật. Sự phát triển, phục hồi của nền kinh tế nói chung đang bắt đầu trở lại với sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng, đi đầu là dự phát triển về giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Với nhiều dự án phát triển giao thông cả đường bộ và đường thủy đang được triển khai thi công; với quy hoạch phát triển giao thông vận tải cả đường thủy và đường bộ đến năm 2020 và định hướng phát triển đến 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013, sự phát triển theo định hướng đã được đề ra của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 bước đầu đã đi đúng hướng và có tiềm năng, triển vọng phát triển mạnh trong những năm tiếp theo.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBCNV

Bảng 11: Số lượng người lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2015

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	271	85,49
2	Lao động Nữ	46	14,51
	Tổng cộng	**317**	**100,00**
	Phân theo trình độ		
1	Trên đại học	03	0,95
2	Đại học và Cao đẳng	105	33,12
3	Trung và sơ cấp	26	8,2
4	Công nhân kỹ thuật	150	47,32
5	Công nhân lao động	33	10,41
	Tổng cộng	**317**	**100,00**
	Phân chia theo loại hình lao động		
1	Cán bộ quản lý	34	10,73
2	Lao động trực tiếp	183	57,73
3	Lao động gián tiếp	100	31,54
	Tổng cộng	**317**	**100,00**

(Nguồn: SICCO)

8.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

b. Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty để xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng

nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, …

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

9. Chính sách cổ tức

Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Năm 2014, Công ty đã trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu. Ngày chốt danh sách cổ đông là 14/05/2015 và ngày hoàn thành đợt chi trả là ngày 16/07/2015.

Trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng: ổn định và tăng trưởng bền vững từ 8 - 10%/năm.

Bảng 12: Tỷ lệ chi trả cổ tức từ giai đoạn 2013 – 2015

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	Hình thức thanh toán
2013	0%	-
2014	10%[1]	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2015	10%[2]	

(Nguồn: SICCO)

10. Tình hình hoạt động tài chính

a. Các chỉ tiêu cơ bản

[1] Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015, Công ty đã thông qua kế hoạch tăng vốn bằng cách phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 10:1

[2] Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ năm 2015 ngày 24/4/2015, Công ty đã thông qua kế hoạch trả cổ tức 10% năm 2015

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Từ năm 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

b. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

c. Khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

  Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, tỷ lệ khấu hao phù hợp Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 13 : Thời gian khấu hao tài sản cố định

Chỉ tiêu	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15÷40
Máy móc, thiết bị	03÷10
Phương tiện vận tải	04÷10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03÷08

d. Thu nhập bình quân của người lao động

Mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty là tương đối khá so với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực và trong cùng địa bàn tỉnh.

Bảng 14: Thu nhập bình quân

Đơn vị: đồng/người/tháng.

	Năm 2013	Năm 2014	+/-%	9T.2015
Mức thu nhập bình quân	7.142.000	7.500.000	5,01%	7.600.000

(Nguồn: SICCO)

e. Thanh toán các khoản vay hoặc nợ đến hạn

Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn đối với các khoản vay và không có nợ quá hạn.

f. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty tuân thủ việc nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật. Số dư các khoản thuế đến 30/09/2015, như sau:

Bảng 15: Các khoản phải nộp giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	Thuế GTGT	6.012.937.033	913.214.697	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.360.104.181	2.819.655.670	4.287.279.935
3	Thuế thu nhập cá nhân	719.772.018	994.579.111	826.489.687
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	286.759.450	286.759.450	286.759.450
5	Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507	5.190.507
6	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	238.196.705	2.620.419.329	2.620.419.329
	Tổng cộng	**11.622.959.894**	**7.639.818.764**	**8.026.138.908**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

- Thuế Nhà đất, tiền thuê đất: Đây là tiền chênh lệch giữa thuế đất năm 2012 theo đơn giá mới (sau khi Cơ quan thuế điều chỉnh lại đơn giá) và đơn giá cũ, công ty đã nộp tiền thuế đất theo đơn giá cũ. Tuy nhiên đến nay cơ quan thuế vẫn chưa có quyết định chính thức về số tiền mà Công ty phải nộp nên số tiền chênh lệch Công ty tạm hạch toán treo phải trả.
- Các loại thuế khác: Tiền thuê đất phi nông nghiệp năm 2012. Hiện tại vẫn chưa có quyết định chính thức của Cơ quan Thuế về số tiền phải nộp nên công ty tạm hạch toán treo số tiền đó. Khi có thông báo chính thức của Cơ quan thuế về số tiền phải nộp, Công ty sẽ thực hiện trả đầy đủ theo quy định.

g. Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc năm tài chính (31/12), Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty và sau đó sẽ tiến hành trích lập các quỹ.

Số dư các quỹ của Công ty vào các thời điểm cuối năm 2013 - 9T.2015 như sau:

Bảng 16: Số dư các quỹ của Công ty vào các thời điểm cuối năm 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

Các quỹ	31/12/2013	31/12/2014[3]	30/09/2015
Quỹ đầu tư phát triển	1.980.820.415	**3.534.309.465**	4.722.740.999
Quỹ dự phòng tài chính	592.852.248	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	229.476.704	583.961.331	623.730.483
Tổng cộng	**2.803.149.367**	**4.118.270.796**	**5.346.471.482**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Bắt đầu từ năm 2015, Công ty không tiếp tục trích quỹ dự phòng tài chính và thực hiện kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

h. Tổng dư nợ vay

[3] Số liệu đã được điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính theo số liệu tại BCTC quý III/2015

Bảng 17: Số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

		31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	**Vay và nợ ngắn hạn**	**56.639.879.150**	**86.445.241.996**	**100.436.516.792**
1	**Vay ngắn hạn**	**52.701.837.150**	**78.364.849.996**	**98.371.049.972**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	49.881.731.594	71.986.699.591	78.219.273.487
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	-	6.378.150.405	12.032.570.958
	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	-	-	8.119.205.527
	Huy động vốn của CBCNV, vay cá nhân	2.820.105.556	-	-
2	**Vay dài hạn đến hạn trả**	**3.938.042.000**	**8.080.392.000**	**2.065.467.000**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	2.896.000.000	6.857.150.000	2.005.367.000
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	-	122.000.000	30.500.000
	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN Hùng Vương	1.042.042.000	1.042.042.000	-
	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	-	59.200.000	29.600.000
II	**Vay và nợ dài hạn**	**10.780.755.776**	**12.435.003.776**	**25.202.250.140**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	9.217.697.776	9.859.287.776	20.514.550.140
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	-	1.847.500.000	4.480.500.000
	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN Hùng Vương	1.563.058.000	521.016.000	-
	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	-	207.200.000	207.200.000
	Tổng cộng	**67.420.634.926**	**98.880.245.772**	**125.638.767.112**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Do nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh ngày càng lớn nên Công ty trong giai đoạn 2013 – 9T2015 ngoài thực hiện tăng vốn điều lệ, Công ty cũng tăng vay nợ (cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn). Năm 2014, tổng nợ đã tăng 46,66% so với năm 2013; 9 tháng đầu năm 2015, tổng nợ đã tăng 27,06% so với năm 2014. Trong giai đoạn 2013 – 9T2015, tổng nợ vay ngắn hạn (bao gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả (vay dài hạn kỳ hạn dưới 12 tháng) tăng 77,33%; tổng nợ vay dài hạn (vay dài hạn trên 12 tháng) tăng 133,78%. Công ty tăng vay dài hạn chủ yếu để phục vụ nhu cầu đầu tư máy móc thiết bị và nguồn vốn cho các hợp đồng đã ký kết.

i. Tình hình công nợ

Bảng 18: Các khoản phải thu giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

Khoản phải thu	31/12/2013	31/12/2014[4]	30/09/2015
Phải thu ngắn hạn	**83.411.196.826**	**115.162.288.603**	**115.122.740.800**
Phải thu của khách hàng	79.279.332.399	106.234.469.109	100.458.952.239
Trả trước cho người bán	1.588.017.005	3.765.814.401	9.418.579.070
Các khoản phải thu khác	3.148.615.821	5.766.773.492	5.849.977.890
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(604.768.399)	(604.768.399)	(604.768.399)
Phải thu dài hạn	**-**	**196.496.190**	**8.341.811.770**
Phải thu dài hạn khác	-	196.496.190	8.341.811.770
Tổng cộng	**83.411.196.826**	**115.358.784.793**	**123.464.552.570**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng chủ yếu là do sự gia tăng trong các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán tăng lên do năm 2014, số lượng công trình thi công của công ty tăng. Các khoản phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán tăng do các hợp đồng đã thực hiện xong nhưng chưa quyết toán hoặc khoản khách hàng giữ lại đến khi thực hiện xong công trình theo hợp đồng đã ký kết,…;

- Các khoản phải thu dài hạn khác của Công ty chủ yếu là khoản tạm ứng vốn sản xuất kinh doanh ở các Công trình để đáp ứng nhu cầu mua nguyên vật liệu và thuê máy móc thiết bị, tạm ứng lương cho người lao động, ký quỹ ký cược. Do số lượng công trình tăng, công trình thi công ở xa cần tạm ứng vốn tăng trong năm 2015 nên giá trị phải thu dài hạn tại 30/9/2015 của Công ty tăng mạnh so với năm 2014.

Một số khoản phải thu của khách hàng, khoản tạm ứng (phải thu khác) không có khả năng thu hồi công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Bảng 19: Các khoản phải trả giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

Khoản phải trả	31/12/2013	31/12/2014[5]	30/09/2015
Phải trả ngắn hạn	**128.153.031.821**	**195.244.044.609**	**193.665.224.381**
Vay và nợ ngắn hạn	56.639.879.150	86.445.241.996	100.436.516.972
Phải trả người bán	24.000.309.804	35.791.913.683	27.965.085.059
Người mua trả tiền trước	23.250.431.908	48.855.307.235	25.614.397.947
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.622.959.894	7.639.818.764	8.026.138.908
Phải trả người lao động	7.600.511.721	9.519.736.721	14.580.631.591
Chi phí phải trả	155.580.812	4.220.819.602	11.621.780.417
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.653.881.828	2.187.245.277	4.796.943.004

[4] Số liệu đã được điều chỉnh theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính theo số liệu tại BCTC quý III/2015

[5] Số liệu đã được điều chỉnh theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính theo số liệu tại BCTC quý III/2015

Khoản phải trả	31/12/2013	31/12/2014[5]	30/09/2015
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	229.476.704	583.961.331	623.730.483
Phải trả dài hạn	10.780.755.776	12.435.003.776	**25.246.918.022**
Vay và nợ dài hạn	10.780.755.776	12.435.003.776	25.202.250.140
Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	44.667.882
Tổng cộng	**138.933.787.597**	**207.679.048.385**	**218.912.142.403**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Đặc điểm của ngành xây dựng là cần phải thuê thêm máy móc thiết bị phục vụ xây lắp và mua vật liệu xây dựng, nhiên liệu chạy máy nhiều lần trong suốt quá trình thi công nên hợp đồng với những nhà cung cấp sẽ được quyết toán ở những kỳ nhất định. Do vậy, khoản phải trả người bán thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng các khoản phải trả của Công ty. Đồng thời do giá trị công trình lớn, nên khách hàng của Công ty thường trả trước cho Công ty để Công ty chủ động thêm vốn lưu động phục vụ xây lắp công trình đó.

Các khoản phải trả tại ngày 31/12/2014 tăng 49,5% so với thời điểm 31/12/2013 chủ yếu do khoản vay và nợ ngắn/dài hạn tăng: phải trả người bán, người mua trả tiền trước; chi phí phải trả tăng. Năm 2014, 2015 số lượng công trình thi công của công ty tăng lên, nhu cầu thuê máy móc thiết bị, mua vật liệu, nhiên liệu tăng, dẫn đến sự gia tăng các khoản phải trả người bán. Các khoản người mua trả tiền trước cũng gia tăng.

Một số khoản phải trả người bán người mua trả tiền trước có giá trị lớn như:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khách hàng	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Đại Minh	5,11	4,42	4,06
CTCP DVC Việt Nam	3,18	15,82	3,83
CTCP TNHH Thiết bị và Phát triển CN DONARCO	-	7,45	-
Người mua trả tiền trước			
CTCP Sông Đà 9	15,6	23,48	3,46
BALDA Điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	-	10,34	-
CTCP Sông Đà 5	-	9,77	9,66
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	-	-	7,19

(Nguồn: SICCO)

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế thuê máy móc, thiết bị để thi công các công trình nhưng đơn vị cho thuê chưa xuất hóa đơn, công ty hạch toán vào chi phí phải trả để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

j. Hàng tồn kho

Bảng 20: Hàng tồn kho giai đoạn 2013 - 9T.2015

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Nguyên liệu, vật liệu	4.355.645.835	6.910.015.793	21.506.870.505
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.571.535.389	70.917.745.303	70.930.206.656
Công trình Thủy điện Lai Châu	9.196.996.000	5.536.459.495	4.080.654.768
Công trình đường Sông	12.935.782.000	2.243.367.970	2.291.519.433
Công trình Núi Pháo - Thái Nguyên	249.626.320	10.130.281.048	
Công trình Quốc lộ 1 - Phú Yên	10.016.500	6.853.461.220	16.225.049.759
Dự án cải tạo sông Ninh Cơ		13.993.219.199	5.160.845.368
Dự sán Sân phân phối Long Phú		15.232.373.840	
Các công trình khác	20.179.114.569	16.928.582.531	43.172.137.328
Tổng cộng	**46.906.143.692**	**77.806.723.564**	**92.416.039.629**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

Do đặc điểm của ngành xây dựng xây lắp, đặc biệt đối với Công ty thực hiện nhiều công trình thủy điện, nhiệt điện, công trình giao thông có thời gian thi công thường kéo dài vài năm và không những vậy, công tác nghiệm thu quyết toán các công trình tương đối lâu nên giá trị hàng tồn kho lớn, chủ yếu nằm ở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong những năm gần đây, do Công ty tích cực tìm kiếm ký thêm nhiều hợp đồng, trong đó có một số dự án lớn như công trình Núi Pháo – Thái Nguyên, nhiệt điện Long Phú, thủy điện Bắc Mê,…và đồng thời công ty cũng tăng mua nguyên vật liệu xây dựng phục vụ các công trình nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và giá trị nguyên vật liệu tăng, khiến giá trị hàng tồn kho tăng.

k. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 2013 – 9T2015

Đơn vị tính: đồng

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Chứng khoán kinh doanh	-	-	33.666.356.200
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	250.000.000
Tổng cộng	-	-	**33.916.356.200**

Tại thời điểm 30/09/2015, Công ty đầu tư kinh doanh chứng khoán với mã cổ phiếu:
- Mã VNC số lượng: 500.000 cổ phiếu, giá trị 12.423.009.668 đồng.
- Mã EVE số lượng: 855.000 cổ phiếu, giá trị 21.243.346.532 đồng.

Tổng giá trị khoản đầu tư là 33.666.356.200 đồng.

l. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,20	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,70	0,76
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	2,33	3,11
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,15	2,97
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	Lần	0,93	1,03
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	3,65	3,72
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	11,40	12,92
Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân	%	3,77	3,45
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,91	6,26

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của SICCO)

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

11.1. Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch HĐQT Ông: Nguyễn Công Hùng
2. Thành viên HĐQT Ông: Hoàng Công Tuấn
3. Thành viên HĐQT Ông: Nguyễn Chính Đại
4. Thành viên HĐQT Ông: Nguyễn Văn Phúc
5. Thành viên HĐQT Ông: Lương Thanh Tùng

❖ **Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị**

✚ **Ông Nguyễn Công Hùng Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Nhà 1, dãy 12, Khu đô thị Park City, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
  + 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1.
  + 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
  + 05/2010 ÷ 17/04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 18/04/2014 ÷ 15/01/2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 16/01/2015 ÷ 30/06/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 01/07/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SCI.
- Số cổ phần nắm giữ: 2.368.845 CP (23,69%)

  Trong đó:
  + Sở hữu cá nhân: 268.845 CP tương ứng 2,69% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 2.100.000 CP (tương ứng 21% Vốn điều lệ) của Công ty cổ phần SCI tại Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Hoàng Công Tuấn **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1977.
- Nơi sinh: Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An.
- Số CMTND: 017533043 cấp ngày 23/01/2014 tại Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.

- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay:: Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2004 ÷ 2009: Phó Giám Đốc Xí Nghiệp I Công ty Cổ phần Sông Đà 909;
  + 2010 ÷ 15/01/2015: Phó Giám Đốc Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9;
  + 16/01/2015 ÷ 28/01/2015: Giám đốc Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9;
  + 29/01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.521.000 CP (15,21%)

  Trong đó:
  + Sở hữu: 21.000 CP tương ứng 0,21% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 1.500.000 CP (tương ứng 15% Vốn điều lệ) của Công ty cổ phần SCI tại Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Nguyễn Chính Đại **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
- Nơi sinh: Phú xuyên, TP. Hà Nội.
- Số CMTND: 013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 11 tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 11, Tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2001 ÷ 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
  + 2003 ÷ 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
  + 2004 ÷ 2007: Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đà 909;
  + 2007 ÷ 31/05/2010: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đà 909;
  + 01/06/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 22.000 cổ phần (0,22%)

  Trong đó:
  + Sở hữu: 22.000 CP tương ứng 0,22% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Nguyễn Văn Phúc **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1966.
- Nơi sinh: Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Số CMTND: 112368321 ngày cấp: 05/03/2007 nơi cấp: CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 7B, ngõ 7 Ao Sen, Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: 7B ngõ 7 Ao Sen - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Tây
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hoá: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế máy
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 1990 ÷ 1993: Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà ;
  + 1993 ÷ 1994: Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà, đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly;
  + 1994 ÷ 2001: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3;
  + 2002 ÷ 2005: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 9;
  + 2006 ÷ 08/2007: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 9;
  + 08/2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9.
  + 15/07/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần (0,1%)[6]

  Trong đó:
  + Sở hữu: 10.000 CP tương với 0,1% Vốn điều lệ.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Lương Thanh Tùng **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1978.
- Nơi sinh: Hòa Bình.
- Số CMTND: 012863658 cấp ngày 29/03/2006 tại Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hòa Bình.

[6] Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 06/10/2015 do VSD cung cấp, Giấy thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 06/10/2015 gửi UBCKNN và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 03/11/2015 gửi UBCKNN của ông Nguyễn Văn Phúc.

- Địa chỉ thường trú: Số 27 - Ngõ 154 - Phố Phương Liệt - Quận Thanh xuân - TP Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 27 - Ngõ 154 - Phố Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng + Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 08/2001 ÷ 04/2002: Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
  + 04/2002 ÷ 10/2004: Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
  + 10/2004 ÷ 10/2009: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
  + 10/2009 ÷ 04/2010: Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
  + 04/2010 ÷ 07/2010: Phó tổng giám đốc kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
  + 07/2010 ÷ 06/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long;
  + 29/01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI;
  + 06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.500.000 CP (15%)

  Trong đó:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 1.500.000 CP (tương ứng 15% Vốn điều lệ) của Công ty cổ phần SCI tại Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.2. Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát — Bà: Trần Thị Len
2. Thành viên Ban Kiểm soát — Ông: Quản Thanh Sơn
3. Thành viên Ban Kiểm soát — Ông: Cao Lữ Phi Hùng

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**

Bà Trần Thị Len — **Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 29/08/1984
- Nơi sinh: Nghĩa Thành – Nghĩa Hưng – Nam Định.
- Số CMTND: 036184000332 ngày cấp: 17/11/2014 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Gia Lâm. TP.Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1803CT1B1 đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Phòng 1803CT1B1 đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 06/2006 ÷ 03/2008: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Đại Lâm;
  + 03/2008 ÷ 02/2014: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Sông Đà 5;
  + 02/2014 ÷ 06/2014: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện;
  + 06/2014 đến nay: Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện;
  + 29/01/2015 đến nay: Trưởng BKS Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó kế toán trưởng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (0,00%)

  Trong đó:

  + Sở hữu: 0 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Quản Thanh Sơn **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1984.
- Nơi sinh: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Số CMTND: 111769145 ngày cấp 19/06/2013 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thác Hòa, Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2008 ÷ 4/2010: CV ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909.
  + 5/2010 ÷ 10/2010: CV phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 11/2010 ÷ 12/2013: Phó phòng Kinh tế kế hoạch kiêm Đội phó Đội Xây lắp 3 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 01/2014 ÷ 04/2014: Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 04/2014 ÷ 06/2015: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 18/4/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 906/2015 đến nay: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Cổ phần SCI.

- Số cổ phần nắm giữ: 5.500 cổ phần (0,055%)

  Trong đó:

  + Sở hữu: 5.500 CP tương ứng 0,055% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Cao Lữ Phi Hùng **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1987.
- Nơi sinh: Đông Hà – Quảng Trị.
- Số CMTND: 197196172 ngày cấp 18/07/2012 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Hà – Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 21, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: P718, CT1A, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính kế toán.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

  + 06/2010 ÷ 06/2012: Chuyên viên Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ;
  + 07/2012 ÷ 03/2013: Chuyên viên Công ty CP đầu tư tài chính VABE;
  + 04/2013 ÷ 05/2014: Chuyên viên Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội;
  + 06/2014 ÷ 07/2014: NV P.Tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 07/2014 ÷ 12/2014: NV P.Tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 909;
  + 01/2015 ÷ 06/2015: Thành viên BKS Cty CP Sông Đà 909 kiêm Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + 06/2015 ÷ 07/2015: Phó kế toán trưởng Cty Cổ phần SCI

+ 07/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (0,00%)

Trong đó:

+ Sở hữu: 0 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.3. Ban Giám đốc

1. Giám đốc Ông: Hoàng Công Tuấn
2. Phó giám đốc Ông: Nguyễn Quang Hưng
3. Phó giám đốc Ông: Nguyễn Chính Đại
4. Phó giám đốc Ông: Lê Công Viên

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc**

- **Ông Hoàng Công Tuấn** **Giám đốc (như trên)**
- **Ông Nguyễn Quang Hưng** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 1980.
- Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Số CMTND: 111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: P709 - CT1, B1 KĐT Xa La, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 03/2003÷12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật. Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang;
  + 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;
  + 2010 ÷ 04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 12.500 cổ phần. (0.125%)

  Trong đó:
  + Sở hữu: 12.500 CP tương ứng 0,125% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Nguyễn Chính Đại **Phó Giám đốc (như trên)**

Ông Lê Công Viên **Phó Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1984.
- Nơi sinh: Hưng Yên.
- Số CMND: 145106678 cấp ngày 06/12/2014 tại CA Hà Nội .
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Phùng Hưng - Khoái Châu - Hưng Yên
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ 2007 ÷ 2009: Phụ trách Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
+ 2009 ÷ 2010: Phụ trách Kinh tế - Kế hoạch - Công ty CP Xây lắp dầu khí 1;
+ 2010 ÷ 2011: Phụ trách Kinh tế - Đầu tư - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
+ 2011 ÷ 02/2014: Phụ trách kỹ thuật chất lượng - Thi công an toàn - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
+ 01/03/2014 đến nay: Phó Giám Đốc phụ trách kỹ thuật thi công - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó giám đốc Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.400 cổ phần (0,01%)

  Trong đó:

  + Sở hữu: 1.400 CP tương ứng 0,01% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.4 Kế toán trưởng

❖ **Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng**

Ông Đào Gia Thắng **Kế toán trưởng Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1981.
- Nơi sinh: Tiến Thịnh – Mê Linh – Hà Nội.
- Số CMTND: 013460347 ngày cấp: 30/07/2011 nơi cấp: CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tiến Thịnh – Mê Linh – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P1907 CT4B KĐT Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: P1907 CT4B K ĐT Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà nội
- Điện thoại liên hệ: 04 33868243
- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính – Kế Toán.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 07/2003 ÷ 05/2004: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 4;
  + 06/2004÷ 04/2007: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 909;
  + 05/2007÷ 02/2009: Trưởng ban Tài chính kế toán Xí nghiệp I – Cty CP Sông Đà 909;
  + 03/2009 ÷ 11/2010: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà Hoàng Long;
  + 12/2010 ÷ 06/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + 07/2015 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 21.440 cổ phần (0,21%)

  Trong đó:
  + Sở hữu: 21.440 CP tương ứng 0,21% Vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12. Tài sản

12.1. Tài sản cố định

Bảng 23: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	5.264.548.359	46,92%
2	Máy móc, thiết bị	45.935.782.286	29.844.915.221	64,97%
3	Phương tiện vận tải	35.429.405.238	25.637.122.612	72,36%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	327.732.372	141.615.550	43,21%
	Tổng cộng	**92.914.048.823**	**60.888.201.742**	**65,53%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của SICCO)

Bảng 24: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	5.054.152.191	45,04%
2	Máy móc, thiết bị	51.289.945.922	31.578.001.442	61,57%
3	Phương tiện vận tải	37.248.995.238	24.536.334.452	65,87%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	327.732.372	95.652.163	29,19%
Tổng cộng		**100.087.802.459**	**61.264.140.248**	**61,21%**

(Nguồn: BCTC 9T.2015 của SICCO)

- Giá trị còn lại cuối năm 2014 của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.788.549.489 đồng
- Giá trị còn lại cuối Quý III/2015 của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 46.579.288.838 đồng

12.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 25: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 2013 – 9T2015

Đơn vị tính: đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Mua sắm tài sản cố định	-	-	**11.150.564.498**
Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	831.947.221	1.213.907.221	1.213.907.221
Chi phí xây dựng văn phòng tại Long Phú	-	-	1.727.427.677
Xưởng đúc cọc	-	-	5.490.100.456
Tổng cộng	**831.947.221**	**1.213.907.221**	**19.581.999.852**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh và cổ tức năm 2015

Đơn vị tính: đồng.

Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	
		Giá trị	% +/- 2015/2014
Vốn điều lệ	50.000.000.000	100.000.000.000	100
Doanh thu thuần	218.966.824.436	295.191.000.000	34,81
Lợi nhuận trước thuế	11.171.317.027	28.000.000.000	150,65

Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.142.876.894	21.840.000.000	168,3
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,72%	7,40%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	16,29%	21,84%	-
Cổ tức	10% bằng cổ phiếu	10%	-

(Nguồn: Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2015, BCTC kiểm toán năm 2014 của SICCO)

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận như sau:

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, doanh thu thuần đạt 295,19 tỷ đồng tăng 34,81% so với năm 2014; lợi nhuận trước thuế đạt 28 tỷ đồng tăng 150,65% so với cùng kỳ năm trước. Để thực hiện được mục tiêu kinh doanh đó, Công ty xác định như sau:

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi là thi công xây lắp cơ giới;
- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành nghề cốt lõi bình quân từ 15% - 20%/năm, có tỷ suất lợi nhuận biên cao.
- Giữ vững và phát triển quan hệ với các khách hàng lớn và ổn định tại thị trường truyền thống sẵn có của Công ty;
- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, giám sát chất lượng thi công các công trình;
- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Chú trọng trong công tác nghiệm thu thu hồi vốn;
- Đảm bảo chi phí hiệu quả.

Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 trên các công trường đơn vị thi công; tập trung tìm kiếm các cơ hội đấu thầu. tham gia thi công công tác công trình thuộc các dự án lớn, trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải, Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư như: Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn II, Nhiệt điện Long Phú, Sông Hậu và thủy điện Sơn Tây và các công trình đường bên Lào.Cơ sở đạt được kế hoạch doanh thu 295,19 tỷ đồng năm 2015

Trong 9 tháng đầu năm 2015, Công ty đã hoàn thành xong việc tăng vốn điều lệ theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Trong năm 2015, Công ty thực hiện và dự kiến hoàn thành các hợp đồng như:

- Hợp đồng thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định trị giá 225 tỷ đồng thực hiện từ 08/2014 và dự kiến hoàn thành tháng 12/2015;
- Hợp đồng thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào trị giá 107 tỷ đồng thực hiện từ 09/2014 đến 02/2015;

- Hợp đồng thi công một phần hạng mục Công trình Dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên trị giá 100 tỷ đồng thực hiện từ 10/2013 và dự kiến hoàn thành tháng 12/2015;
- Hợp đồng thi công gói thầu san lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV, 220KV Trung tâm điện lực Long Phú trị giá 34,5 tỷ đồng thực hiện từ tháng 9/2014 đến 2/2015;
- Hợp đồng xây dựng tuyến đường Thà Lầu – Sầm Tày, tỉnh Huaphan, Lào trị giá 21,4 tỷ đồng thực hiện từ tháng 3/2015 đến 7/2015;
- Hợp đồng gói thầu số 9 – Thi công xây lắp đoạn Km 1293+800 ÷ Km 1293+800 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 – Phú Yên trị giá 61,3 tỷ đồng thực hiện từ tháng 12/2013 và dự kiến hoàn thành tháng 12/2015;
- Ngoài ra doanh thu năm 2015 còn đến từ các dự án đã hoàn thành năm 2014 và chưa nghiệm thu quyết toán như Công trình thủy điện Lai Châu, Công trình kè Nhật Tân, Công trình nhà máy xi măng Hạ Long,...

Thực tế, sau 9 tháng triển khai hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 là: Doanh thu thuần đạt 217,6 tỷ đồng đạt 73,7% kế hoạch năm 2015; lợi nhuận sau thuế là 13,68 tỷ đồng đạt 62,7% so với kế hoạch năm 2015. Kết quả kinh doanh khả quan trong 9 tháng đầu năm cùng với kỳ vọng tốt của ngành xây dựng những tháng cuối năm là cơ sở giúp cho SICCO hoàn thành kế hoạch đề ra năm 2015.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của SCI, cùng với việc phân tích ngành xây dựng, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho rằng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của SCI phù hợp với tình hình thị trường, tính khả thi cao nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần

3. Mã chứng khoán

Mã chứng khoán : SCI

4. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết

Tổng số cổ phần đăng ký niêm yết: **10.000.000** cổ phần.

Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: **100.000.000.000** đồng.

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: "Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ."

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **5.462.685**cổ phiếu chiếm 54,63% vốn điều lệ

Bảng 27: Danh sách hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên/Tên tổ chức	Chức vụ (đối với CĐNB)/ Họ tên CĐNB (đối với cổ đông lớn là người có liên quan đến CĐNB)	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 01 năm kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	268.845	134.423
2	Hoàng Công Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	21.000	10.500
3	Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc	22.000	11.000
5	Nguyễn Văn Phúc[7]	Thành viên HĐQT độc lập	10.000	5.000

[7] Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 06/10/2015 do VSD cung cấp, Giấy thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 06/10/2015 gửi UBCKNN và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 03/11/2015 gửi UBCKNN của ông Nguyễn Văn Phúc.

6	Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc	12.500	6.250
7	Lê Công Viên	Phó giám đốc	1.400	700
8	Đào Gia Thắng	Kế toán trưởng	21.440	10.720
9	Trần Thị Len	Trưởng BKS	0	-
10	Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên BKS	0	-
11	Quản Thanh Sơn	Thành viên BKS	5.500	2.750
12	CTCP SCI	Cổ đông lớn có liên quan đến thành viên HĐQT	5.100.000	2.550.000
	Tổng cộng		**5.462.685**	**2.731.343**

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được tính theo công thức sau

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Bảng 28: Bảng tính giá trị sổ sách của cổ phiếu SCI

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Vốn chủ sở hữu (đồng)	59.371.096.704	66.701.633.971	124.366.791.029
Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	5.000.000	5.000.000	10.000.000
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	**11.874**	**13.340**	**12.437**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 9T.2015 của SICCO)

6.2. Phương pháp định giá

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B đồng thời tham khảo giá đóng cửa cổ phiếu SCI của 15 (mười lăm) phiên giao dịch liên tục trước phiên giao dịch không hưởng quyền, để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SCI tại sàn HNX.

- Phương pháp so sánh P/E;
- Phương pháp so sánh P/B;

- Phương pháp bình quân giá đóng cửa 15 (mười lăm) phiên giao dịch liên tục trước phiên giao dịch không hưởng quyền;
- Các phương pháp khác theo quy định.

Căn cứ vào tình hình thị trường tại thời điểm được chính thức giao dịch, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu, công bố cho nhà đầu tư trước ngày giao dịch đầu tiên.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/10/2015 là 0%.

8. Các loại thuế có liên quan

Thuế GTGT: Công ty nộp thuế GTGT với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế TNDN áp dụng từ năm 2014 là 22%/năm.

Thuế khác: Các loại thuế khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Trụ sở chính : Tầng 12 & 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải – TP.Hà Nội
- Số điện thoại : 04-3 9360261 Fax: 04-3 9360262
- Website : www.vcbs.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

- Trụ sở : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại : (+84-4) 38241990 Fax: (+84-4) 38253973
- Website : aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, Báo cáo tài chính 9T.2015
4. **Phục lục IV.** Giới thiệu văn bản pháp luật có liên quan.

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2015

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Công Hùng

GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Tuấn

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trần Thị Len

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Gia Thắng

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Đông